


Thư điện tử

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

Bước tới: [menu](#), [tìm kiếm](#)

 [Giao diện](#) của phần mềm thư điện tử [Microsoft Outlook](#)

Thư điện tử, hay **email** (từ chữ *electronic mail*), đôi khi được dịch không chính xác là *điện thư*, là một hệ thống chuyển nhận thư từ qua các [mạng máy tính](#).

Email là một phương tiện thông tin rất nhanh. Một mẫu thông tin (thư từ) có thể được gửi đi ở dạng mã

hoá hay dạng thông thường và được chuyển qua các mạng máy tính đặc biệt là mạng Internet. Nó có thể chuyển mẫu thông tin từ một máy nguồn tới một hay rất nhiều máy nhận trong cùng lúc.

Ngày nay, email chẳng những có thể truyền gửi được chữ, nó còn có thể truyền được các dạng thông tin khác như hình ảnh, âm thanh, phim, và đặc biệt các phần mềm thư điện tử kiểu mới còn có thể hiển thị các email dạng sống động tương thích với kiểu tệp [HTML](#).

Phần mềm thư điện tử (*email software*) là loại [phần mềm](#) nhằm hỗ trợ cho người dùng việc chuyển và nhận các mẫu thông tin (thường là dạng chữ). Thông tin có thể đưa vào phần mềm thư điện tử bằng cách thông dụng nhất là gõ chữ bàn phím hay cách phương cách khác ít dùng hơn như là dùng máy quét hình (*scanner*), dùng máy ghi hình số (*digital camera*) đặc biệt là các [Web cam](#). Phần mềm thư điện tử giúp đỡ cho việc tiến hành soạn thảo, gửi, nhận, đọc, in, xoá hay lưu giữ các (điện) thư. Có hai trường hợp phân biệt phần mềm thư điện tử là

- Loại phần mềm thư điện tử được cài đặt trên từng máy tính của người dùng gọi là **email client**, hay **phần mềm thư điện tử (cho) máy khách**. Các thí dụ loại phần mềm này bao gồm: Microsoft Outlook, Microsoft Outlook Express, Netscape Communicator, hay Eudora. Phần mềm thư điện tử này còn có tên là **MUA** (từ chữ *mail user agent*) tức là **Tác nhân sử dụng thư**. Một cách gọi tên thông dụng khác của email client là **ứng dụng thư điện tử** (*email application*) nếu không bị nhầm lẫn
- Ngược lại, loại phần mềm thư điện tử không cần phải cài đặt mà nó được cung ứng bởi các máy chủ (*web server*) trên Internet gọi là **WebMail**, hay **Phần mềm thư điện tử qua Web**. Để dùng được các phần mềm loại này thường các máy tính nối vào phải có một [máy truy cập](#) tương thích với sự cung ứng của WebMail. Thí dụ loại này là mail.Yahoo.com, hay hotmail.com.

Nơi cung ứng phần mềm cũng như phương tiện chuyển thư điện tử gọi là **nhà cung ứng dịch vụ thư điện tử** (*email service provider*).

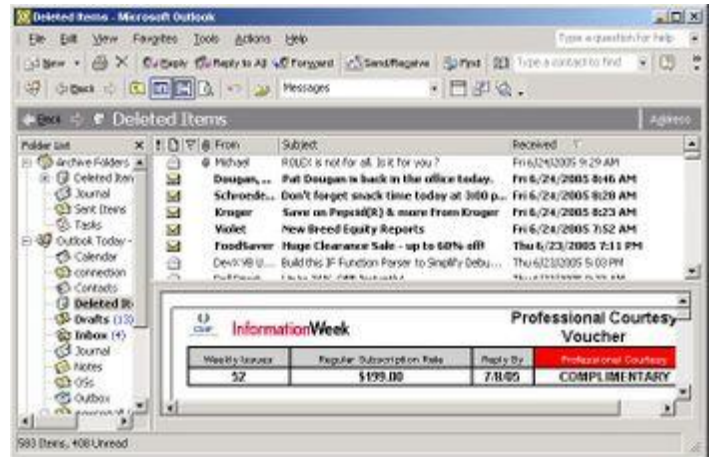
Máy tính làm việc cung ứng các dịch vụ thư điện tử là **MTA** (từ chữ *mail transfer agent*) hay là **đại lý chuyển thư**. Vì đây là [máy chủ](#) nên khi không bị nhầm lẫn với các loại máy chủ khác thì người ta cũng gọi MTA là **máy chủ** hay rõ hơn là **máy chủ thư điện tử**.

Các dịch vụ thư điện tử có thể được cung ứng miễn phí hay có lệ phí tùy theo nhu cầu và mục đích của người dùng. Ngày nay, email thường được cung cấp kèm với các phương tiện Internet khi người tiêu dùng ký hợp đồng với các dịch vụ Internet một cách miễn phí.

Mục lục

[\[ẩn\]](#)

- [1 Đặc điểm của thư điện tử khi so sánh với bưu chính thông thường](#)
- [2 Cấu trúc chung của một địa chỉ email](#)
- [3 Các chức năng có thể có của một hộp thư điện tử](#)
- [4 Những thuật ngữ thường thấy trong một phần mềm thư điện tử bằng Anh ngữ](#)
 - [4.1 Các mệnh lệnh Anh ngữ để đi vào các ngăn chứa thư](#)
 - [4.2 Các mệnh lệnh Anh ngữ thường thấy trong một phần mềm thư điện tử](#)



- [4.3 Các thuật ngữ Anh ngữ thông dụng trong một thư điện tử](#)
- [5 Phương thức hoạt động của một hệ thống thư điện tử](#)
- [6 Các giao thức](#)
- [7 Đọc thêm](#)
- [8 Tham khảo](#)

[sửa] Đặc điểm của thư điện tử khi so sánh với bưu chính thông thường

- Thay vì viết thư bằng giấy mực và bút thì người gửi chỉ cần gõ chữ từ bàn phím của máy tính và biết dùng một phần mềm thư điện tử (*email program*).
- Lá thư được gửi trên hệ thống bưu chính là vật liệu không cần máy nhận hay máy gửi. Trong khi đó, nếu gửi thư điện tử, chỉ có các tín hiệu điện mã hoá nội dung bức thư điện tử được truyền đi đến máy nhận. Do đó, chỉ có nội dung hay cách trình bày lá thư điện tử là được bảo toàn. Trong khi đó, dùng đường bưu điện người ta có thể gửi đi các vật liệu hàm chứa thêm nội dung hay ý nghĩa khác. Điều này có thể rất quan trọng đối với nhiều người.
- Vận tốc truyền thư điện tử chỉ vài giây đến vài phút và chi phí rất nhỏ không đáng kể so với gửi qua đường bưu điện.
- Dùng thư điện tử thì bất kỳ lúc nào cũng có thể mở phần mềm thư điện tử ra đọc nên tiện lợi hơn là việc phải bỏ thư ở các thùng thư. Đồng thời, vì mỗi người dùng thư đều phải nhập mật khẩu vào máy nên thư điện tử sẽ khó bị người ở chung đọc lén so với thư gửi bưu điện. Nhưng ngược lại, các tay tin tặc xa lạ có thể xâm nhập vào hệ thống thư điện tử của cá nhân nếu như các mật mã hay các hệ thống an toàn phần mềm bị bẻ gãy.
- Khối lượng gửi và nhận thư điện tử có thể nhiều hơn thư bưu điện rất nhiều lần. Đối với các dịch vụ thư điện tử mới thì dung lượng có thể lên đến hàng Gbyte như dịch vụ của Gmail chẳng hạn, hay nhiều hơn. Số thư có thể dự trữ trong dung lượng này tương đương với vài bộ tự điển bách khoa.
- Các trường hợp thư phá hoại trên hệ thống bưu điện (như là thư có bột antrax, thư bom, ...) rất hiếm có nhưng có thể gây thương vong. Ngược lại, hệ thống thư điện tử, không thể gây thương tích mà thường rất phải đương đầu với nhiều vấn nạn như [virus máy tính](#), các [thư nhùng lam](#) (*spam mail*), các thư quảng cáo (*advertisement mail*) và các thư khiêu dụ tình dục (*pornography mail*), đặc biệt là cho trẻ em, thì lại rất nhiều. Đối với các loại thư độc hại (*malicious mail*) này người dùng cần phải cài đặt thêm các [tiền ích](#) hay chức năng lọc (sẵn có trong phần mềm hay phải mua thêm) để giảm trừ. Tuy nhiên, một điều chắc chắn là không có công cụ phần mềm nào là tuyệt hảo.
- Các dạng **chuyển tiếp** (*chain mail*) trong đó người nhận lại chuyển đi nội dung lá thư cho một hay nhiều người khác thường cũng phổ biến trong cả hai hệ thống bưu chính và thư điện tử. Khả năng ảnh hưởng về thông tin của hai loại này là tương đương mặc dù thư điện tử chuyển tiếp có nhiều xác suất gây nhiễm virus máy tính.
- Hộp thư là nơi cất giữ các thư từ với địa chỉ hẳn hoi. Tương tự, trong hệ thống thư điện tử, thì hộp thư này tương đương với phần dữ liệu chứa nội dung các email cộng với địa chỉ của người chủ thư điện tử. Điểm khác biệt ở đây là hộp thư điện tử sẽ có nhiều chức năng hơn là việc xoá bỏ các thư cũ. Mỗi người có thể có một hay nhiều địa chỉ email (và phải được đăng ký qua một hệ thống nào đó). Mỗi hộp thư sẽ có một địa chỉ phân biệt không bao giờ trùng với địa chỉ email khác. Như vậy có thể hoàn toàn không nhầm lẫn khi dùng danh từ **hộp thư điện tử** hay **hòm thư điện tử** (*email account*) để chỉ một phần mềm email đã được đăng kí dùng để nhận và gửi email cho một cá nhân.

[sửa] Cấu trúc chung của một địa chỉ email

Một địa chỉ email sẽ bao gồm ba phần chính có dạng Tên_định_dạng_thêm_tên_email@tên_miền

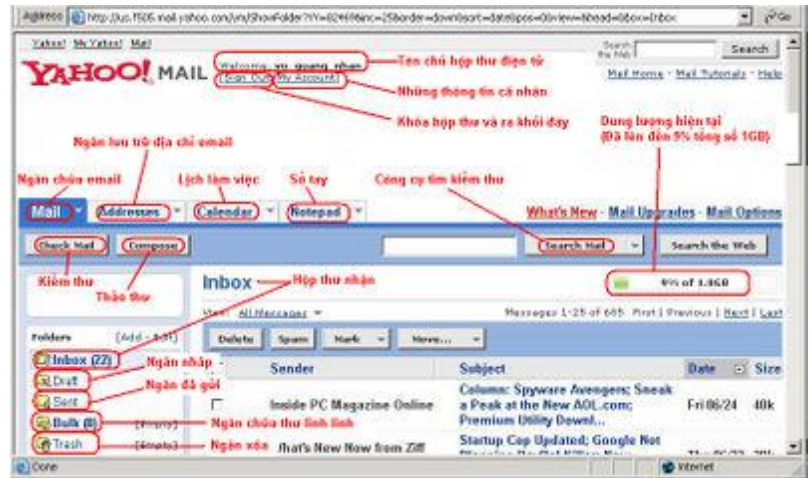
1. Phần tên_định_dạng_thêm: Đây là một dạng tên để cho người đọc có thể dễ dàng nhận ra người gửi hay nơi gửi. Tuy nhiên, trong các thư điện tử người ta có thể không cần cho tên định dạng và lá thư điện tử vẫn được gửi đi đúng nơi. Thí dụ: Trong địa chỉ gửi thư tới viết dưới dạng Nguyễn Thị A

nguyenthia111@yahoo.com hay viết dưới dạng

nguyenthia111@yahoo.com thì phần mềm thư điện tử vẫn hoạt động chính xác và gửi đi đến đúng địa chỉ.

- Phần `tên_email`: Đây là phần xác định hộp thư. Thông thường, cho dễ nhớ, phần này hay mang tên của người chủ ghép với một vài kí tự đặc biệt. Phần tên này thường do người đăng kí hộp thư điện tử đặt ra. Phần này còn được gọi là **phần tên địa phương**.

- Phần `tên_miền`: Đây là **tên miền** của nơi cung cấp dịch vụ thư điện tử. Ngay sau phần `tên_email` bắt đầu bằng chữ "@" nối liền sau đó là tên miền.



[sửa] Các chức năng có thể có của một hộp thư điện tử

Giải thích căn bản về **giao diện** kiểu WebMail của [Yahoo](#)

Ngoài chức năng thông thường để nhận và soạn thảo email, các phần mềm thư điện tử có thể còn cung cấp thêm những chức năng khác như là:

- Lịch làm việc (*calendar*): người ta có thể dùng nó như là một thời khoá biểu. Trong những phần mềm mạnh, chức năng này còn giữ nhiệm vụ thông báo sự kiện đã đăng kí trong lịch làm việc trước giờ xảy ra cho người chủ hộp thư.
- Sổ địa chỉ (*addresses* hay *contacts*): dùng để ghi nhớ tất cả các địa chỉ cần thiết cho công việc hay cho cá nhân.
- Sổ tay (*note book* hay *notes*): để ghi chép, hay ghi nhớ bất kì điều gì.
- Công cụ tìm kiếm thư điện tử (*find* hay *search mail*).

Để hiểu hết tất cả các chức năng của một phần mềm thư điện tử người dùng có thể dùng chức năng giúp đỡ (thường có thể mở chức năng này bằng cách nhấn nút <F1> bên trong phần mềm thư điện tử).

[sửa] Những thuật ngữ thường thấy trong một phần mềm thư điện tử bằng Anh ngữ

[sửa] Các mệnh lệnh Anh ngữ để đi vào các ngăn chứa thư

Đây thực ra chỉ là các ngăn chứa thư từ đã được phân loại theo tình trạng của các email cho tiện dùng. Người chủ thư có thể tự mình xếp loại các mail này hay chúng được xếp một cách tự động (do cài đặt hay do mặc định).

- Inbox* có nghĩa là Hộp thư nhận hay Hộp thư vào: Đây là ngăn đựng các thư mới nhận về.
- Outbox* có nghĩa là Hộp thư gửi hay Hộp thư ra: Đây là ngăn đựng các thư đang chờ được gửi đi. Thông thường, nếu hệ thống email hoạt động tốt thì các thư nằm trong hộp này chỉ trong thời gian rất ngắn (vài giây đến vài phút là tối đa). Do đó, ngăn chứa này thường là một ngăn trống.
- Draft* có nghĩa là Ngăn nháp: Để chứa các email chưa hoàn tất hay đã hoàn tất nhưng chủ thư chưa muốn gửi đi.
- Trash*, *Trash can* hay *Deleted Item* có nghĩa là Ngăn xóa: Còn có thể gọi là Thùng rác hay Ngăn thư đã xóa. Đây là chỗ dự phòng tạm thời chứa các email đã xóa bỏ trong một thời gian. Chức năng này tiện lợi để phục hồi hay đọc lại các thư điện tử cần thiết đã lỡ tay bị xóa.
- Sent*, *sent Messages* hay *Sent Item* có nghĩa là Ngăn đã gửi: Nơi này dùng để chứa các thư đã gửi.
- Junk* hay *Bulk* có nghĩa là Ngăn thư linh tinh: Đây là nơi chứa các mail đã được lọc và bị loại ra một cách tự động, còn được gọi là Thùng thư rác hay Ngăn chứa tạp thư. Thường thì nơi này sẽ

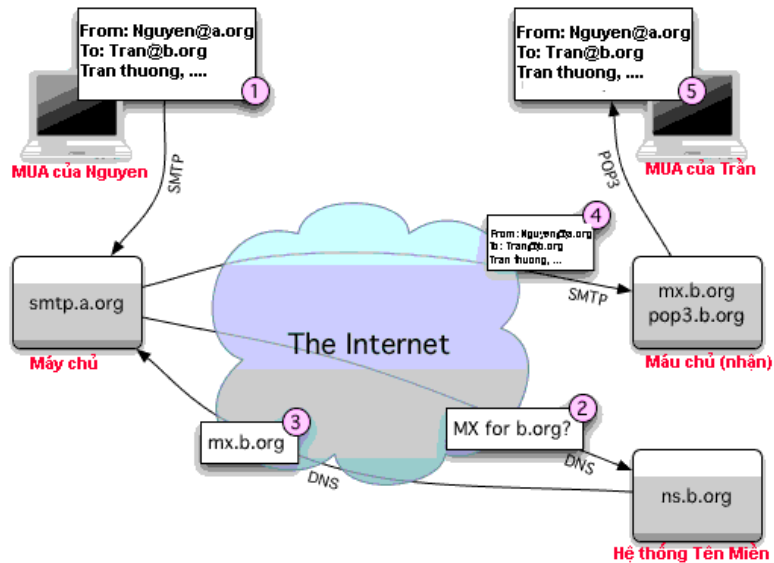
chứa các thư quảng cáo, các thư nhũng lạm, các thư được gửi đến một số lượng lớn địa chỉ có cùng một nội dung, hay các loại thư độc hại . . .

[sửa] Các mệnh lệnh Anh ngữ thường thấy trong một phần mềm thư điện tử

- *New* hay *compose* có nghĩa là **Thảo** thư mới: Đây là mệnh lệnh cho phép bắt đầu soạn thảo một email mới.
- *Send* có nghĩa là **Gửi**: Mệnh lệnh này sẽ tức khắc gửi thư tới các địa chỉ trong phần *To*, *CC*, và *BCC*.
- *Save as Draft* hay *Save Draft* có nghĩa là **Lưu bản nháp**: Mệnh lệnh này sẽ giúp lưu giữ lá thư đang soạn thảo và đưa vào ngăn chứa *Darft* để có thể dùng lại về sau.
- *Attach* hay *Attach Files* có nghĩa là **Đính kèm**: Đây là lệnh để người soạn email có thể gửi đính kèm theo lá thư các tập tin khác. Các tập tin này không giới hạn kiểu cấu trúc của nó, nghĩa là chúng có thể là các loại tập tin hình vẽ, phim, nhạc,... và ngay cả [virus máy tính](#).

[sửa] Các thuật ngữ Anh ngữ thông dụng trong một thư điện tử

- *To* có nghĩa là **Đến**: Chỗ chứa địa chỉ của các người nhận.
- *CC* (từ chữ *carbon copies*) có nghĩa là **Gửi kèm**: Đây là chỗ chứa thêm địa chỉ gửi kèm, ngoài địa chỉ chính trong phần *To* bên trên. Các hộp thư nhận sẽ đọc được các địa chỉ người gửi và các địa chỉ gửi kèm này.
- *BCC* (từ chữ *blind carbon copies*) có nghĩa là **Gửi kèm kín**: Đây cũng là chỗ ghi các địa chỉ mà lá thư sẽ được gửi kèm tới, nhưng các địa chỉ này sẽ được dấu kín không cho những người trong phần *To* hay phần *CC* biết là có sự đính kèm đến các địa chỉ nêu trong phần *BCC*.
- *Subject* có nghĩa là **Đề mục**: Chỗ này thường để tóm tắt ý chính của lá thư hay chỗ ghi ngắn gọn điều quan trọng trong thư.



[sửa] Phương thức hoạt động của một hệ thống thư điện tử

Hoạt động của hệ thống email hiện nay có thể được minh họa qua phân tích một thí dụ như sau

1. Nguyễn dùng **MUA** của mình để soạn một lá thư có **địa chỉ** người nhận là Trần với địa chỉ là `Tran@b.org`. Nguyễn nhấn nút *Send* và phần mềm thư điện tử của Nguyễn áp dụng SMTP để gửi mẫu thông tin (lá thư) đến **MTA**, hay máy chủ thư điện tử, của Nguyễn. Trong thí dụ thì máy chủ này là `smtp.a.org` được cung cấp từ **dịch vụ Internet** của Nguyễn.
2. MTA này sẽ đọc địa chỉ chỗ nhận (`tran@b.org`) và dựa vào **phần tên miền** nó sẽ tìm hỏi địa chỉ của tên miền này, nơi có máy chủ sẽ nhận email gửi đến, qua **Hệ thống Tên miền**.
3. Máy chủ **DNS** của `b.org` là `ns.b.org` sẽ trả lời về một **bản ghi trao đổi thư từ**, đây là bảng ghi chỉ ra cách thức làm thế nào **định tuyến** cho email này. Trong thí dụ thì `mx.b.org` là máy chủ từ dịch vụ cung ứng Internet của Trần.
4. `smtp.a.org` gửi mẫu thông tin tới `mx.b.org` dùng giao thức SMTP, điều này sẽ phân phối lá thư đến hộp thư của Trần.

5. Khi đọc Trần ra lệnh nhận thư trên máy (MUA) của Trần, điều này tạo ra việc lấy về mẫu thông tin bằng cách áp dụng giao thức POP3.

Trong trường hợp Nguyễn không có MUA mà chỉ dùng Webmail chẳng hạn thì bước 1 sẽ không xảy ra tức là [MTA](#) của Nguyễn sẽ làm việc trực tiếp. Tương tự cho trường hợp Trần không có MUA riêng.

Trước đây, nếu một MTA không thể gửi tới đích thì nó có thể ít nhất ngừng lại ở chỗ gần với chỗ nhận. Sự ngừng này sẽ tạo cơ hội để máy đích có thể nhận về các mẫu thông tin trong thời gian trễ hơn. Nhiều MTA sẽ chấp nhận tất cả mẫu thông tin từ người gửi bất kỳ và tìm mọi cách để phân nó về đến máy đích. Những MTA như vậy gọi là những **ngưng động thư mở** (*open mail relays*). Điều này khá cần thiết vì sự chất lượng liên lạc của hệ thống Internet lúc đó còn yếu. Ngày nay, do việc lợi dụng trên cơ chế hoạt động của hệ thống thư điện tử nhiều người đã gửi ra các loại thư vô bổ. Như là hậu quả, rất ít MTA ngày nay còn chấp nhận các ngưng động thư mở. Bởi vì các thư như vậy rất có thể là các loại [thư nhùng lam](#).

[sửa] Các giao thức

- SMTP (từ chữ *Simple Mail Transfer Protocol*) -- hay là **giao thức chuyển thư đơn giản**. Đây là một [giao thức](#) lo về việc vận chuyển email giữa các [máy chủ](#) trên đường trung chuyển đến địa chỉ nhận cũng như là lo việc chuyển thư điện tử từ máy khách đến máy chủ. Hầu hết các hệ thống thư điện tử gửi thư qua Internet đều dùng giao thức này. Các mẫu thông tin có thể được lấy ra bởi một [email client](#). Những email client này phải dùng giao thức POP hay giao thức IMAP.
- IMAP (từ chữ *Internet Message Access Protocol*) -- hay là **giao thức truy nhập thông điệp (từ Internet)**. Giao thức này cho phép truy nhập và quản lý các mẫu thông tin về từ các máy chủ. Với giao thức này người dùng email có thể đọc, tạo ra, thay đổi, hay xoá các ngăn chứa, các mẫu tin đồng thời có thể tìm kiếm các nội dung trong hộp thư mà không cần phải tải các thư về. Phiên bản mới nhất của IMAP là IMAP4 tương tự nhưng có nhiều chức năng hơn giao thức POP3. IMAP nguyên thủy được phát triển bởi [đại học Stanford](#) năm 1986.
- POP (từ chữ *Post Office Protocol*) -- hay là **giao thức phòng thư**. Giao thức này được dùng để truy tìm các email từ một MTA. Hầu hết các MUA đều dùng đến giao thức POP mặc dù một số MTA cũng có thể dùng giao thức mới hơn là IMAP. Hiện có hai phiên bản của POP. Phiên bản đầu tiên là POP2 đã trở thành tiêu chuẩn vào thập niên 80, nó đòi hỏi phải có giao thức SMTP để gửi đi các mẫu thông tin. Phiên bản mới hơn [POP3](#) có thể được dùng mà không cần tới SMTP.

[sửa] Đọc thêm

- [lich sử thư điện tử](#)
- [máy tính](#)
- [Internet](#)

[sửa] Tham khảo

- [Email: What it is and How it Works -- Heinz Tschabitscher](#)
- [Understanding Email Restrictions](#)
- [Understanding Email Services What are they and what do you need? -- Erik Kangas, President, Lux Scientiae](#)
- [Understanding Email Addresses](#)

Lấy từ “http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0_%C4%91i%E1%BB%87n_t%E1%BB%AD”

Thể loại: [Thư điện tử](#) | [Internet](#)